TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2020
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và ông Ksor Y Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/3/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2020/TB-TA ngày 14/8/2020 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên và quyết định số 26/QĐ-VKS-DS ngày 12/8/2020 của VKSND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên về việc phân công kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu L, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Thôn Đức Hiệp (nay là thôn Hiệp Hòa), xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Hiện ở: Thôn Mỹ Lâm, xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT và hiện ở: Thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 02 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung tài sản ngày 06/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Thu L (sau đây viết tắt là nguyên đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Dương Văn T (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/7/2014 tại UBND xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chồng thường cờ bạc, đánh đập vợ. Nguyên đơn đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ để đi làm kiếm tiền nuôi con thì bị chồng hăm dọa, chặn đánh. Xét thấy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung: Dương Ngọc Thủy T1, giới tính: Nữ, sinh ngày 20/12/2015 và Dương Minh T2, giới tính: Nam, sinh ngày 25/7/2017, hiện nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung: 01 thửa đất nông nghiệp (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692337 do UBND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cấp ngày 20/8/2014 cho anh Dương Văn T chị Trương Thị Thu L) thuộc thửa số 143 tờ bản đồ 23 diện tích 14.574m^2 tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, trên đất khoảng 4 sào (4.000m^2) mía cây vụ 2 (khoảng 4 tháng tuổi), tổng giá trị tài sản đất, mía cây là 162.514.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng). Khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được sở hữu toàn bộ diện tích đất và thanh toán giá trị bằng tiền mặt cho bị đơn hoặc nhận ½ giá trị đất do bị đơn thanh toán.

Về nợ chung: Trong đơn xin ly hôn có nêu, vợ chồng còn nợ một số người nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, nguyên đơn và những người liên quan thống nhất xác định không có nợ chung.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên vào tháng 7/2014. Bị đơn không đồng ý ly hôn, nhờ Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung: Dương Ngọc Thủy T1, sinh ngày 20/12/2015 và Dương Minh T2, sinh ngày 25/7/2017, hiện nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn bị đơn xin nhận nuôi một con (Tiên hoặc Tiến), không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 thửa đất nông nghiệp (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692337 anh Dương Văn T chị Trương Thị Thu L đứng tên, thuộc thửa số 143 tờ bản đồ 23 diện tích 14.574m^2 tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên do UBND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cấp ngày 20/8/2014, trên đất khoảng 4 sào (4.000m^2) mía cây vụ 2 (khoảng 4 tháng tuổi), tổng giá trị tài sản đất, mía cây là 162.514.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng). Nếu ly hôn thì chia đôi bằng hiện vật (chia đôi thửa đất), nếu thanh toán bằng tiền thì bị đơn xin thanh toán nhiều lần.

Về nợ chung: Không có.

TAND huyện Sông Hinh tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên nội dung đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung Dương Ngọc Thủy T1, sinh ngày 20/12/2015 và Dương Minh T2, sinh ngày 25/7/2017 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: 01 thửa đất nông nghiệp (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692337 anh Dương Văn T chị Trương Thị Thu L đứng tên, thuộc thửa số 143 tờ bản đồ 23 diện tích 14.574m^2 tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên do UBND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cấp ngày 20/8/2014 và trên đất khoảng 4 sào (4.000m^2) mía cây vụ 2 (khoảng 4 tháng tuổi), tổng giá trị tài sản đất, mía cây là 162.514.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng), đề nghị HĐXX giao toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất (mía cây) cho bị đơn quản lý, sử dụng. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị tài sản chung cho nguyên đơn. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định quan hệ là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyển số 01/2014 cấp ngày 09/7/2014 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã T2 hành hòa giải, thuyết phục vợ chồng đoàn tụ gia đình nhưng nguyên đơn không đồng ý và có nguyện vọng ly hôn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 08 tháng, nguyên đơn phải đi về nhà cha mẹ đẻ sống cùng hai con từ tháng 12/2019 đến nay.

Bị đơn không đồng ý ly hôn, nhưng thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn

và ngày 12/10/2019 tự viết đơn xin ly hôn với nguyên đơn và đã phân chia tài sản và việc nuôi con (thể hiện tại bút lục số 36c).

Quá trình T2 hành hòa giải nguyên đơn không đồng ý đoàn tụ và bị đơn không thuyết phục được nguyên đơn rút đơn ly hôn để đoàn tụ.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Dương Ngọc Thủy T1, sinh ngày 20/12/2015 và Dương Minh T2, sinh ngày 25/7/2017, hiện nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đều có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, để hai con (T1 sinh ngày 20/12/2015, T2 sinh ngày 25/7/2017) được sống chung, mẹ nuôi sẽ bảo đảm cuộc sống về mọi mặt, tình cảm chị em ruột thịt, mẹ con gần gũi, gắn bó, quý mến nhau, từ khi nguyên đơn và bị đơn sống ly thân vào tháng 12/2019 đến nay thì hai con ở với mẹ đủ điều kiện phát triển về mọi mặt, sức khỏe tốt. Theo đơn xin xác nhận lương và công tác vào ngày 12/8/2020 của Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế Phong Phú - Phú Yên thể hiện nguyên đơn có việc làm và thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng (mười triệu đồng/tháng) đảm bảo việc nuôi hai con. Đối với bị đơn làm nghề nông và lái máy cày thuê cho cha mẹ đẻ, nhưng không chứng minh được có thu nhập ổn định. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển bình thường của trẻ em, chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa và theo nguyện vọng của nguyên đơn giao 02 con chung là Dương Ngọc Thủy T1 và Dương Minh T2 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu, do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân: 01 thửa đất nông nghiệp (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692337 anh Dương Văn T chị Trương Thị Thu L đứng tên, thuộc thửa số 143 tờ bản đồ 23 diện tích 14.574m^2 tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên do UBND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cấp ngày 20/8/2014 và trên đất có khoảng 4 sào (4.000m^2) mía cây vụ 2 (khoảng 4 tháng tuổi). Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn xác định quá trình chung sống vợ chồng đóng góp công sức vào khối tài sản chung ngang nhau và không có ai tranh chấp. Do đó, có căn cứ xác định nguyên đơn, bị đơn mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản chung. Theo biên bản định giá ngày 30/7/2020, giá trị tài sản chung gồm 14.574m^2 đất nông nghiệp, trên đất có 4 sào mía cây với số tiền là

162.514.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng). Nguyên đơn, bị đơn mỗi người sẽ được nhận ½ giá trị tài sản là 81.257.000 đồng (tám mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Xét tài sản chung là đất nông nghiệp có diện tích 14.574m^2 trên đất có 4 sào (4000m^2) mía cây tọa lạc tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên là nơi bị đơn cư trú, rất thuận lợi cho việc đi lại canh tác, sản xuất. Sau khi ly hôn và hiện tại nguyên đơn và hai con đã sống tại nhà cha mẹ đẻ (thôn Mỹ Lâm, xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên) và đi làm công nhân May tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, khoảng cách từ vị trí đất là tài sản chung đến nơi sống, làm việc của nguyên đơn hơn 70 km, nếu nhận đất để canh tác, sản xuất đi lại sẽ khó khăn, không bảo đảm quyền lợi của mỗi bên. Do vậy, thống nhất theo phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên giao diện tích đất 14.574m^2 đất nông nghiệp, trên đất có 4 sào mía cây thuộc thửa số 143 tờ bản đồ 23 tọa lạc tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cho bị đơn trực tiếp quản lý, sử dụng. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ½ giá trị tài sản chung với số tiền 81.257.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí định giá: Chi phí định giá tài sản là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 165 BLTTDS nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu chi phí định giá tương ứng với phần giá trị tài sản được chia ½ là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản 2.500.000 đồng. Bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí chia tài sản chung (81.257.000 đồng x 5%) = 4.063.000 đồng, tổng cộng 4.363.000 đồng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0015148 ngày 05/3/2020 và 13.800.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0015150 ngày 06/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Hoàn trả cho nguyên đơn 9.737.000 đồng (chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa. Bị đơn phải chịu (81.257.000 đồng x 5%) = 4.063.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 165, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81,

Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thu L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Trương Thị Thu L ly hôn bị đơn anh Dương Văn T.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung Dương Ngọc Thủy T1, sinh ngày 20/12/2015 và Dương Minh T2, sinh ngày 25/7/2017 cho nguyên đơn chị Trương Thị Thu L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Dương Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Giao cho bị đơn anh Dương Văn T quản lý, sử dụng 01 thửa đất nông nghiệp (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 692337 anh Dương Văn T chị Trương Thị Thu L đứng tên, thuộc thửa số 143 tờ bản đồ 23 diện tích 14.574m^2 tại thôn Hiệp Hòa, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên do UBND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cấp ngày 20/8/2014, trên đất khoảng 4 sào (4.000m^2) mía cây vụ 2 (khoảng 4 tháng tuổi), tổng giá trị tài sản đất và mía cây là 162.514.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng). Anh T có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

Đồng thời phải có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn chị Trương Thị Thu L số tiền 81.257.000 đồng (tám mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền từ tài sản chung được nhận và được chia đôi.

[5] Về chi phí định giá: Bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 4.063.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung, tổng cộng 4.363.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0015148 ngày 05/3/2020 và 13.800.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0015150 ngày 06/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Hoàn trả cho nguyên đơn 9.737.000 đồng (chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa. Bị đơn phải chịu 4.063.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã Đức Bình Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ksor Y Thư Phạm Hồng Thái	**Bùi Châu Kha**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÂU KHA